TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2025/HNGĐ-ST
Ngày 05-8-2025
V/v: "Tranh chấp Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Thành Quang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Lưu Xông Pha**

2. Ông **Duyên Văn Hiền**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Cẩm Hường** - Thư ký viên, Toà án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 05 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 246/2025/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2025 về việc "Tranh chấp Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trương Ánh X**, sinh năm 1973.

2. Bị đơn: Anh **Huỳnh Văn Đ**, sinh năm 1976.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp Kinh Dớn, xã Khánh Bình Tây Bắc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Nay là ấp Kinh Dớn, xã Đá Bạc, tỉnh Cà Mau.

- Tại phiên toà: Chị X có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt, còn anh Đ vắng mặt, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị **Trương Ánh X** trình bày:

Về hôn nhân: Chị X và anh Đ xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Quá trình sống chung, vợ chồng bất đồng quan điểm, sống không còn hạnh phúc. Nay, chị X nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung là Huỳnh Đông D, sinh ngày 15/9/2002 (giới tính: Nam), hiện cháu đã trưởng thành, nên không có yêu cầu gì.

Về tài sản, nợ: Chị X xác định không có yêu cầu.

Nay, chị X yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

- Đối với bị đơn anh **Huỳnh Văn Đ**: Từ khi thụ lý, Tòa án đã thực hiện thủ tục tống đạt, niêm yết đúng theo quy định của pháp luật, nhưng bị đơn vắng mặt, không có văn bản nêu ý kiến gửi đến Tòa án.

Vụ án, được Tòa án tiến hành công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hòa giải được, do bị đơn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng**:

[1.1] Về việc chấp hành pháp luật của đương sự:

Đối với nguyên đơn là chị X đề nghị Toà án xét xử vắng mặt, còn bị đơn là anh Đ đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt.

Căn cứ các điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, cần xét xử vắng mặt đối với các đương sự nêu trên, là phù hợp.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: Được xác định là "Tranh chấp về Ly hôn", bị đơn là anh Đ có nơi cư trú tại ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau, nay là ấp K, xã Đ, tỉnh Cà Mau.

Từ đó, Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] **Về nội dung:**

[2.1] Về hôn nhân:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 97 do Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau cấp ngày 06/8/2007. Cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị X và anh Đ được xem là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Quá trình giải quyết vụ án, chị X xác định hôn nhân giữa chị và anh Đ đã phát sinh mâu thuẫn, không còn hạnh phúc và mục đích hôn nhân không đạt được, chị X yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

Đối với anh Đ vắng mặt, cho thấy anh Đ đã không quan tâm đến việc hàn gắn hạnh phúc gia đình với chị X.

Tại Đơn vắng mặt ngày 29/5/2025 chị X kiên quyết ly hôn với anh Đ.

Theo Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và có nghĩa vụ chung sống với nhau. Mặt khác, theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình: "Điều 4. Ly hôn theo yêu cầu của một bên quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. 3. "Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được" là thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Không có tình nghĩa vợ chồng, ví dụ: vợ, chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vợ, chồng sống ly thân, bỏ mặc vợ hoặc chồng;".

Xét, hôn nhân giữa chị X và anh Đ đã thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu khởi kiện của chị X là có căn cứ được chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị X được ly hôn với anh Đ phù hợp với Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung:

Theo chị X xác định, giữa chị và anh Đ có 01 người con chung là Huỳnh Đông D, sinh ngày 15/9/2002 (giới tính: Nam), hiện cháu D đã trưởng thành, nên chị X không có yêu cầu giải quyết trách nhiệm nuôi dưỡng cháu D là có cơ sở.

Đối với anh Đ vắng mặt và không có ý kiến gì.

[2.3] Về tài sản, nợ: Chị X không có yêu cầu, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết, trường hợp có tranh chấp sẽ được giải quyết ở vụ án khác.

[3] **Về án phí**: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị X, chị X phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Các điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC.

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Ánh X.

1/ Về hôn nhân: Cho chị Trương Ánh X được ly hôn với anh Huỳnh Văn Đ.

2/ Về con chung: Đã trưởng thành, không đặt ra để giải quyết.

3/ Về tài sản, nợ: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết, trường hợp có tranh chấp sẽ được xem xét giải quyết ở vụ án khác.

4/ Về án phí: Chị Trương Ánh X phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), đối trừ số tiền 300.000 đồng tại Biên lai thu 0005700 ngày 29/5/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Cà Mau, được chuyển thu.

5/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

"Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự (02b);
- VKSND khu vực 3 – Cà Mau (01b);
- Phòng THADS khu vực 3 – Cà Mau (01b);
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu án văn (01b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Thành Quang